

Bản án số: **31/2021/DS-ST**  
Ngày 30 tháng 8 năm 2021  
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản*".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Dương Ngô Phiên.

2. Ông Lục Việt Sang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG tham gia phiên tòa:**  
Không.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố TQ, thị trấn NhN, huyện Tân Yên, tỉnh BG.

\* **Bị đơn:** Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1979 (Có mặt).

Chị Nông Thị Q, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn CĐ, xã AT, huyện YT, tỉnh BG.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Đoàn Thị P, sinh năm 1957 (Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố TQ, thị trấn NhN, huyện Tân Yên, tỉnh BG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa ông Dương Văn Đ trình bày:*

Gia đình ông làm nghề buôn bán thức ăn chăn nuôi nên ông đã bán cám cho vợ chồng anh V, chị Q về chăn nuôi từ năm 2007, hai bên thỏa thuận ông bán cám

cho vợ chồng anh V theo chu kỳ chăn nuôi từ khi vợ chồng anh V bắt con giống về chăn cho đến khi xuất bán phải trả tiền mua cám còn nợ cho ông. Đến ngày 27/12/2008 hai bên chấm dứt việc mua bán cám, vợ chồng anh V còn nợ ông số tiền là 52.798.000đ (Năm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng), sau khi chốt sổ hằng năm ông đều đến đôn đốc vợ chồng anh V trả tiền, vợ chồng anh V đã trả cho ông được số tiền 29.300.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng), còn nợ lại ông số tiền là 23.498.000đ. Ông khởi kiện yêu cầu anh V và chị Q phải trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 23.498.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) và yêu cầu vợ chồng anh V, chị Q phải trả tiền lãi của số tiền 23.498.000đ tính từ ngày 27/12/2008 theo lãi suất 0,75%/ tháng.

*\* Tại bản tự khai ngày 27/7/2021, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa anh Hoàng Văn V trình bày:*

Vợ chồng anh mua cám của ông Đ về chăn nuôi từ khoảng năm 2007- 2008, khi bắt đầu mua cám hai bên thống nhất thỏa thuận ông Đ đầu tư cám cho vợ chồng tôi từ khi vợ chồng anh mua con giống về chăn nuôi cho đến khi xuất bán (khoảng 4 đến 5 tháng) vợ chồng anh sẽ trả hết tiền mua cám còn nợ cho ông Đ. Tuy nhiên, do chăn nuôi thua lỗ nên vợ chồng anh chưa trả hết số tiền mua cám còn nợ. Ngày 27/12/2008 hai bên chốt sổ nợ vợ chồng anh còn nợ ông Đ 52.798.000đ (Năm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng), Hằng năm vợ chồng anh đều trả tiền cho ông Đ, đến nay vợ chồng anh còn nợ ông Đ số tiền 23.498.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng). Ông Đ khởi kiện yêu cầu anh và chị Q trả số tiền gốc là 23.498.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền gốc anh Đồng ý trả. Anh không Đ ý trả tiền lãi bởi vì trong mỗi bao cám ông Đ bán cho anh ông Đ đã được hưởng tiền lãi.

*\* Tại bản tự khai ngày 27/7/2021, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa chị Nông Thị Q trình bày:*

Vợ chồng chị mua cám của ông Đ về chăn nuôi từ năm 2007 – 2008, đến ngày 27/12/2008 hai bên chốt sổ nợ vợ chồng chị còn nợ ông Đ số tiền gốc là 52.798.000đ (Năm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng), từ khi chốt sổ đến nay vợ chồng chị trả ông Đ được số tiền là 29.300.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) còn nợ lại số tiền 23.498.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng). Ông Đ khởi kiện chị đồng ý trả cho ông Đ 23.498.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền gốc, chị không Đ ý trả tiền lãi.

*\* Tại bản tự khai ngày 20/7/2021, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa bà Đoàn Thị P trình bày:*

Bà là vợ của ông Dương Văn Đ, vào năm 2007 vợ chồng bà có bán cám cho

anh V, chị Q về chăn nuôi đến nay vợ chồng anh V còn nợ bà số tiền là 23.498.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng). Nay ông Đ khởi kiện bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ yêu cầu anh V, chị Q phải trả cho bà và ông Đ số tiền gốc là 23.498.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) và yêu cầu anh V, chị Q phải trả tiền lãi theo lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 27/12/2008.

Tại phiên tòa ông Dương Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì.

Anh Hoàng Văn V, chị Nông Thị Q, bà Đoàn Thị P giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT ban hành công văn số 692/CV-VKS ngày 25/8/2021 xác định vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Dương Văn Đ khởi kiện anh Hoàng Văn V và chị Nông Thị Q yêu cầu trả tiền mua cám còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, Anh V và chị Q cùng có địa chỉ cư trú tại huyện YT nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

**Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra từ năm 2008 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết**

### **[2] Về nội dung:**

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Đ Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Dương Văn Đ bán cám cho anh Hoàng Văn V và chị Nông Thị Q về chăn nuôi từ năm 2007, các bên thống nhất thỏa thuận về hình thức mua bán cám theo chu kỳ chăn nuôi, ông Đ đầu tư cám cho vợ chồng anh V từ khi bắt đầu chu kỳ chăn nuôi đến khi xuất bán gà thì anh V và chị Q phải trả hết số tiền mua cám còn nợ. Hai bên đều thống nhất ngày chốt sổ nợ là ngày 27/12/2008 vợ chồng anh V, chị Q còn nợ ông Đ số tiền gốc là 52.798.000đ (Năm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng), từ khi chốt sổ đến nay anh V, chị Q trả ông Đ được số tiền là 29.300.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) còn nợ lại số tiền 23.498.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng). Ông Đ khởi

kiện yêu cầu anh V và chị Q phải trả số tiền gốc còn nợ là 23.498.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng), anh V và chị Q cùng đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông Đ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ yêu cầu anh V và chị Q phải trả cho ông Đ số tiền gốc là 46.200.000đ (Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

- Về lãi suất: Đối với yêu cầu tính lãi của ông Đ yêu cầu tính lãi của số tiền gốc 23.498.000đ từ ngày 27/12/2008 đến ngày 30/8/2021 theo lãi suất 0,83%/tháng. Anh V và chị Q không Đ ý trả tiền lãi với lý do khi bán cảm ông Đ đã được tiền lãi trong mỗi bao cảm mà ông Đ bán. Xét yêu cầu tính lãi của ông Đ Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ Khoản 2 Điều 438 Bộ luật dân sự khi bên mua chậm trả nợ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả và việc ông Đ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do đó cần buộc vợ chồng anh V, chị Q phải trả tiền lãi của số tiền 23.498.000đ nợ gốc cho ông Đ và bà P.

Số tiền lãi anh V, chị Q phải trả ông Đ, bà P được tính như sau: Thời gian tính lãi từ ngày 27/12/2008 đến ngày 30/8/2021 là 152 tháng 03 ngày, cụ thể:  $23.498.000đ \times 0,75\% / \text{tháng} \times 152 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 26.804.600đ$  (Hai mươi sáu triệu tám trăm linh bốn nghìn sáu trăm đồng).

[3] Về lãi suất chậm trả: Đề đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Đ được chấp nhận nên anh Hoàng Văn V và chị Nông Thị Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 438, khoản 2 Điều 305, Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 ; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Điều 2 Luật thi hành án dân sự xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Đ.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Hoàng Văn V và chị Nông Thị Q phải trả cho ông Dương Văn Đ số tiền nợ gốc là 23.498.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) và 26.804.600đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 50.302.600đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về tiền án phí: Anh Hoàng Văn V và chị Nông Thị Q phải chịu 2.515.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YT;
- THA huyện YT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Hùng**